

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO NGÀNH KINH TẾ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Tiến Long

Trường Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

Email: nguyentienlong@tueba.edu.vn

Ngày nhận: 24/10/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/12/2016

Tóm tắt:

Thái Nguyên là một tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội, với thế mạnh của ngành công nghiệp và lĩnh vực du lịch sinh thái. Có nhiều yếu tố tạo động lực cho phát triển kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế đóng một vai trò quan trọng. Bài viết xem xét cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2005 - 2015; đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tới chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế, đề xuất giải pháp chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu đầu tư; cơ cấu đầu tư; giải pháp; tỉnh Thái Nguyên.

Shifting investment structure in accordance with economic sectors in Thai Nguyen province

Abstract

Thai Nguyen province has great potentials and advantages in socio-economic development, particularly in industry and ecotourism. Among the motivating factors of the socio-economic development and economic restructure, the shifting of investment structure in accordance with economic sectors plays a crucial role. The article examines the investment structure in accordance with economic sectors in Thai Nguyen province during the period of 2005 – 2015 and evaluates the impact of several factors on the shifting of investment structure. The author then recommends solutions for the shifting process until 2030.

Keywords: Shifting investment structure; investment structure; solutions; Thai Nguyen province.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên đã chuyển dịch tích cực góp phần cân đối nguồn vốn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu đầu tư giai đoạn 2005 - 2015 đã bộc lộ nhiều dấu hiệu tự phát, chưa bền vững, chưa đạt được định hướng và mục tiêu đề ra. Một số ngành có lợi thế so sánh, cần vốn, giải quyết được yêu cầu cấp bách cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh chưa được chú trọng đầu tư đúng hướng; hiện tượng mất cân đối trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư theo các ngành kinh tế ở tỉnh.

Trong giai đoạn 2005 - 2010, cơ cấu đầu tư là 7,44% ở ngành nông nghiệp; 42,7% ở ngành công nghiệp và xây dựng; 49,86% ở ngành dịch vụ (Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2010), với cơ cấu đầu tư này đã mang lại hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao nhất và ngành nông nghiệp được chú trọng đầu tư hơn so với các giai đoạn khác; giai đoạn 2011 - 2015 cơ cấu đầu tư là 2,26% ở ngành nông nghiệp; 84,48% ở ngành công nghiệp và xây dựng; 13,26% ở ngành dịch vụ (Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2015).

Vì vậy, đối với tỉnh Thái Nguyên, cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế hiện tại đã hợp lý chưa; tốc độ chuyển dịch cơ cấu đầu tư thế nào; hiệu quả sử dụng

vốn đầu tư trong các ngành kinh tế ra sao; cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế cần phải chuyển dịch theo hướng nào; có những giải pháp nào để chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng hợp lý đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đây là những vấn đề cần nghiên cứu giải quyết.

Vận dụng cơ sở khoa học của chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế, nghiên cứu thực trạng cơ cấu đầu tư và chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế, trong giai đoạn 2005 - 2015; từ đó đề xuất giải pháp chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 nhằm phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng bền vững là rất cần thiết.

2. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế

Cơ cấu đầu tư là cơ cấu các yếu tố cấu thành đầu tư như cơ cấu về vốn, nguồn vốn, cơ cấu huy động và sử dụng vốn... Những yếu tố này có quan hệ hữu cơ, tương tác qua lại với nhau cả về chất lượng và số lượng, trong không gian và thời gian, vận động theo hướng hình thành một cơ cấu đầu tư hợp lý và tạo những tiềm lực lớn hơn về mọi mặt kinh tế xã hội (Đỗ Hoài Nam, 1996).

Chuyển dịch cơ cấu đầu tư là sự thay đổi của cơ cấu đầu tư từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển. Việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư phải dựa trên cơ sở cơ cấu hiện có, cải tạo cơ cấu đầu tư cũ lạc hậu, chưa phù hợp để xây dựng cơ cấu đầu tư mới tiên tiến, hoàn thiện hơn (Nguyễn Thị Minh, 2009).

Thực chất chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế là sự điều chỉnh cơ cấu vốn, nguồn vốn... theo các ngành kinh tế, sao cho phù hợp với mục

tiêu đã xác định của toàn bộ nền kinh tế trong từng thời kỳ phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế diễn ra thường xuyên, liên tục theo hai hướng: chuyển dịch tự phát và chuyển dịch tự giác.

Cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế được coi là hợp lý phải đảm bảo đạt được mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phải đảm bảo tăng trưởng kinh tế chung của địa phương đạt được kế hoạch đề ra. Không phải ngành nào có nhịp độ tăng trưởng cao cũng kéo theo nhịp độ tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế của tỉnh lên cao. Vì vậy, cần phải đầu tư sao cho giữ được tỷ trọng của từng ngành trong GRDP của tỉnh ở một khoảng có lợi nhất cho tăng trưởng GRDP chung của toàn tỉnh.

Để đo lường mức độ chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế, sử dụng nhiều phương pháp và chỉ tiêu, trong đó có thể sử dụng hệ số ICOR (Incremental Capital Output Ratio): Đầu tư vừa tác động đến tốc độ tăng trưởng vừa tác động đến chất lượng tăng trưởng. Tăng quy mô vốn đầu tư và sử dụng vốn đầu tư hợp lý là những nhân tố rất quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế... do đó, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

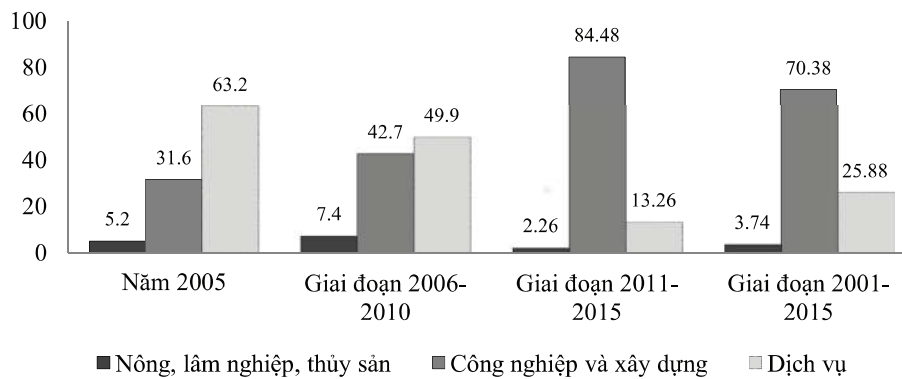
Hệ số ICOR là tỷ số giữa qui mô đầu tư tăng thêm với mức gia tăng sản lượng, hay là suất đầu tư cần thiết để tạo ra một đơn vị sản lượng (GDP) tăng thêm (Nguyễn Bạch Nguyệt & Từ Quang Phương, 2007). Hệ số ICOR càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp và ngược lại. Về mặt ý nghĩa kinh tế, hệ

Bảng 1: Vốn đầu tư chia theo các ngành kinh tế của tỉnh Thái Nguyên, 2005 - 2015

Giai đoạn	2005	2006-2010	2011-2015	2001-2015
Giá trị (tỷ VND)				
Tổng số	9.094	35.185	194.229,776	294.589,8
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	474	2.606	4.397	11.008
Công nghiệp và xây dựng	2.874	15.033	164.090	207.354
Dịch vụ	5.746	17.546	25.742,8	76.228,8
Cơ cấu (%)				
Tổng số	100	100	100	100
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	5,2	7,4	2,26	3,74
Công nghiệp và xây dựng	31,6	42,7	84,48	70,38
Dịch vụ	63,2	49,9	13,26	25,88

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

Hình 1: Cơ cấu vốn đầu tư theo các ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

số ICOR tính cho một giai đoạn sẽ phản ánh chính xác hơn việc tính ICOR hàng năm.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu đầu tư của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2005 - 2015

Trong giai đoạn 2005 - 2015 cho thấy, tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế tăng qua các giai đoạn và tăng mạnh nhất trong giai đoạn 2011 - 2015. Tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong 5 năm (2011 - 2015) lớn hơn tổng vốn đầu tư của 6 năm (2005 - 2010) cộng lại. Điều này cho thấy nguồn vốn đầu tư ở tỉnh Thái Nguyên đang có sự chuyển biến mạnh mẽ về giá trị (xem bảng 1).

Ngành công nghiệp và xây dựng là ngành được ưu tiên phát triển nhất. Tỷ lệ vốn đầu tư cho ngành này tăng mạnh qua các năm. Năm 2005 tỷ lệ cơ cấu đầu tư cho ngành công nghiệp và xây dựng đạt 31,6%,

giai đoạn 2006-2010 tăng lên 11% (đạt mức 42,7%) và giai đoạn 2011- 2015 đạt mức 84,48%. Điều này cho thấy cơ cấu đầu tư vào ngành công nghiệp và xây dựng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế, góp phần dần đưa Thái Nguyên cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp vào năm 2020 (xem biểu đồ 01).

Cơ cấu đầu tư ở ngành du lịch giảm mạnh qua các năm, từ 63,2% năm 2005 xuống còn gần 50% (giai đoạn 2006 - 2010) và 13,26% trong giai đoạn tiếp theo (giai đoạn 2011- 2015). Tuy nhiên, tỷ lệ cơ cấu đầu tư ở ngành dịch vụ trung bình 15 năm (2001- 2015) vẫn đạt trên 25% (xem hình 1).

Nông, lâm nghiệp và thủy sản là ngành có cơ cấu đầu tư thay đổi nhiều trong giai đoạn 2005-2015. Ở giai đoạn 2006 - 2010, cơ cấu đầu tư cho ngành nông, lâm, thủy sản đạt mức cao nhất 7,4% (tăng 2,2% so với năm 2005), nhưng so với giai đoạn 2011- 2015 thì tỷ lệ này giảm còn 2,26% (xem hình 1).

theo là chọn độ trễ phù hợp cho mô hình bằng kiểm định Var với tiêu chí là chọn độ trễ có các tiêu chuẩn FPE, AIC, HQIC, SBIC có ý nghĩa thống kê. Tiếp tục kiểm định mô hình Phân phối trễ tự hồi quy ARDL cho các độ trễ tương ứng trên, ta có kết quả trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả kiểm tra Bound test và độ trễ phù hợp

Mô hình	Độ trễ	F – Statistic	Mô hình ARDL được chọn	Perasan bound		
				Mức ý nghĩa	F - Statistic	
					I(0)	I(1)
F(LnM1/lnEx,Cpi,Irb,Irb-, Iri,LnInp,LnGold,Vnindex)	1	8,697934***	ARDL(1, 1, 0, 0, 0, 1, 0, 0, 0)	10%	1,95	3,06
F(LnM1/Reer,Cpi,Irb,Irb-, Iri,LnInp,LnGold,Vnindex)	1	9,442509***	ARDL(1, 1, 0, 0, 0, 1, 0, 0, 0)	5%	2,22	3,39
F(LnM2/lnEx,Cpi,Irb,Irb-, Iri,LnInp,LnGold,Vnindex)	3	3,30243	ARDL(3, 1, 0, 0, 2, 0, 0, 1, 0)	2,50%	2,48	3,7

Bảng 3: ICOR của tỉnh Thái Nguyên (2005 - 2015)

Chỉ tiêu	2005	2010	2011	2013	2014	2015
Vốn đầu tư (tỷ VND)	3.729,6	10.173	14.910	20.587	43.792	54.063
GRDP giá thực tế (tỷ VND)	6.587,4	19.825,4	25.418,8	33.683,4	64.071,7	88.770,5
Tốc độ tăng GRDP (%)	9,3	10,68	8,8	6,6	20,0	25,4
Vốn đầu tư/GRDP (%)	56,6	51,31	58,66	61,12	68,35	60,9
ICOR (lần)	6,1	4,8	6,67	9,26	3,42	2,40

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

Hiệu quả đầu tư không chỉ tác động tới tăng trưởng kinh tế, mà còn tăng trưởng với cùng một tốc độ nhưng với số vốn đầu tư ít hơn, tức là nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Hiệu quả đầu tư được biểu hiện ở nhiều chỉ tiêu, trong đó ICOR là chỉ tiêu tổng hợp nhất.

Hệ số ICOR càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp và ngược lại. Về mặt ý nghĩa kinh tế, hệ số ICOR tính cho một giai đoạn sẽ phản ánh chính xác hơn việc tính ICOR hàng năm, vì trong một thời gian ngắn, có một lượng đầu tư chưa phát huy tác dụng và cũng không phản ánh được nếu đầu tư dàn trải.

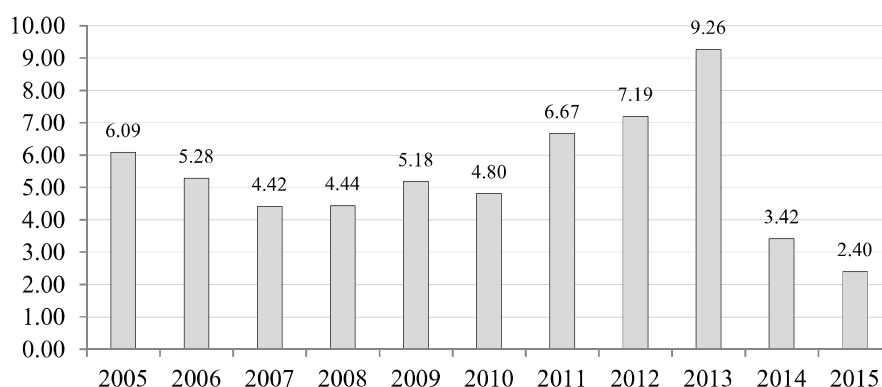
ICOR càng cao đồng nghĩa với hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế của tỉnh càng thấp. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005 - 2015 có xu hướng thay đổi thăng trầm với biến động của tăng trưởng kinh tế cả nước.

Nhịp độ tăng của GRDP phụ thuộc rất nhiều vào tỷ lệ vốn đầu tư trên GRDP và hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn đó. Mối quan hệ đó thể hiện rất rõ qua hệ số ICOR (xem bảng 3). Đầu tư có hiệu quả nghĩa là để đạt được cùng một tốc độ tăng trưởng thì hệ số ICOR phải nhỏ. Nếu xét ICOR của Việt Nam

giai đoạn 2005 - 2015, cho thấy cao hơn rất nhiều so với con số tương ứng của các nước công nghiệp mới (NICs) trong thời kì chuyển đổi 1961 - 1980, trong giai đoạn này hệ số ICOR của Đài Loan là 2,7 và của Hàn Quốc là 3,0. Hay gần hơn là ICOR của Thái Lan trong giai đoạn 1981 - 1995 là 4,1 và của Trung Quốc trong giai đoạn 2001 - 2006 là 4,0.

Theo khuyến cáo của các nước phát triển thì hệ số ICOR của các nước đang phát triển nên từ 3,0 đến 4,0 nghĩa là có hiệu quả trong việc sử dụng vốn đầu tư, như vậy ICOR của tỉnh Thái Nguyên luôn ở mức cao hơn so với khuyến cáo của các nước phát triển hay nói cách khác là hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư của tỉnh Thái Nguyên là thấp, riêng hai năm 2014 và 2015 là hợp lý (xem hình 02). Điều này cũng khẳng định cơ cấu đầu tư của tỉnh Thái Nguyên (2005 - 2015) chuyển dịch chưa tương xứng, chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên.

ICOR của Thái Nguyên liên tục tăng trong cả giai đoạn 2005 - 2013, chứng tỏ hiệu quả đầu tư không những thấp mà còn liên tục sụt giảm. ICOR năm 2013 cao gấp hơn 2 lần năm 2007, cao gấp trên 1,5

Hình 2: ICOR của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2005 - 2015

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

Bảng 4: Cơ cấu đầu tư và ICOR theo ngành kinh tế ở Thái Nguyên (2005 - 2015)

Cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế (%)	Năm 2005	Giai đoạn 2006-2010	Giai đoạn 2011-2013	Năm 2014	Năm 2015
Nông, lâm, thủy sản	5,2	7,44	4,4	19,0	16,95
Công nghiệp và xây dựng	31,6	42,7	57,77	44,0	50,00
Dịch vụ	63,2	49,86	37,83	37,0	33,05
ICOR	6,09	4,82	7,71	3,42	2,40

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

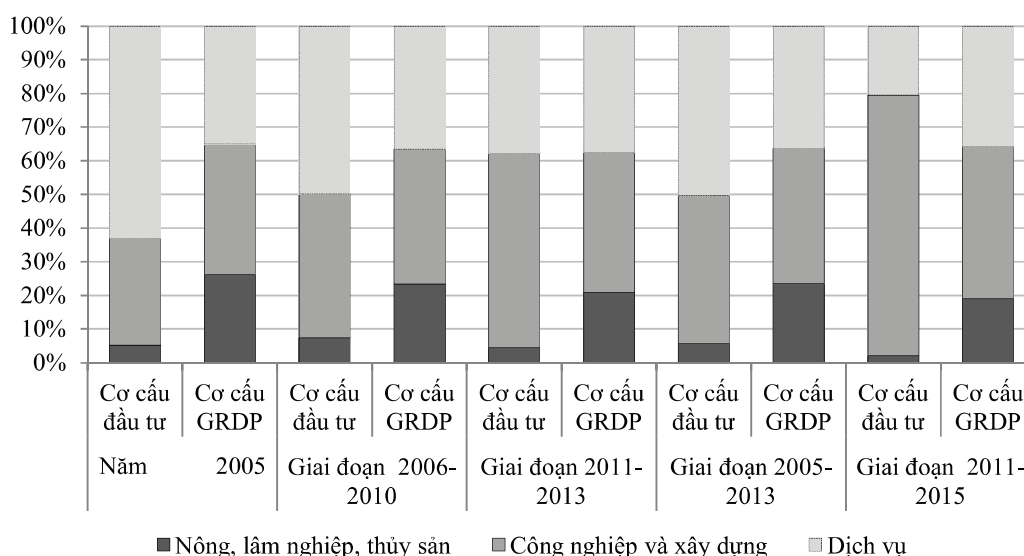
lần năm 2006 (xem hình 2).

Như vậy, bình quân ICOR trong năm 2005 là 6,09, trong giai đoạn 2006 - 2010 là 4,82; trong giai đoạn 2011 - 2013 là 7,71; riêng năm 2014 và 2015 ICOR thấp nhất; trong giai đoạn 2006 - 2010, ICOR trung bình có giá trị nhỏ nhất (4,82) nên trong giai đoạn này, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư là tốt nhất (xem bảng 04). Tuy nhiên, năm 2014 và 2015 phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên khá cao.

Cơ cấu đầu tư giai đoạn 2005 - 2010 là khoảng 7,45% cho ngành nông - lâm - thủy sản; 42,7% cho ngành công nghiệp và xây dựng; 49,85% cho ngành dịch vụ. Đây là cơ cấu đầu tư mang lại hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao nhất. Với cơ cấu đầu tư này, ngành nông - lâm - thủy sản được chú trọng đầu tư cao hơn so với các giai đoạn khác. Như vậy, trong những năm qua, mặc dù ngành nông - lâm - thủy sản chưa được đầu tư thỏa đáng song đóng góp của nó

vào GRDP của toàn tỉnh Thái Nguyên là tương đối cao và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong lĩnh vực này là tốt nhất (xem hình 03).

Cơ cấu đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 là 7,4% cho ngành nông - lâm - thủy sản; 42,7% cho ngành công nghiệp và xây dựng; 49,9% cho ngành dịch vụ. Đây là cơ cấu đầu tư mang lại hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao nhất; với cơ cấu đầu tư này, ngành nông - lâm - thủy sản được chú trọng đầu tư cao hơn so với các giai đoạn khác. Trong khi đó, giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư cho ngành nông - lâm - thủy sản chỉ chiếm 2,1% nhưng đã đóng góp cho GRDP của tỉnh Thái Nguyên là 19%; đầu tư cho ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 77,4% nhưng đem lại hiệu quả thấp, chỉ đóng góp được 45,2% cho GRDP của tỉnh. Như vậy, có thể nói, trong những năm vừa qua, mặc dù lĩnh vực nông-lâm-thủy sản chưa được đầu tư thỏa đáng song đóng góp của ngành này vào GRDP của toàn tỉnh Thái Nguyên tương đối cao và hiệu

Hình 3: Cơ cấu đầu tư và cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2005-2015

quả sử dụng vốn đầu tư trong lĩnh vực này là tốt hơn cả (xem hình 3).

3.2. Đánh giá chung về chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên

Một là, chuyển dịch cơ cấu đầu tư tuy phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên, nhưng tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế giảm mạnh trong giai đoạn 2005 - 2013, có phục hồi và tăng trưởng mạnh trong năm 2014 và 2015, một phần do Thái Nguyên thu hút mạnh mẽ vốn FDI từ năm 2013 (gần 4 tỷ USD của tập đoàn Samsung và một số đối tác lớn khác), riêng năm 2015 thu hút trên 3,2 tỷ USD chủ yếu là các dự án FDI trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng; tạo cú huých cho chuyển dịch cơ cấu đầu tư (tăng tỷ trọng vốn FDI trong ngành công nghiệp chế tạo, điện tử) tạo động lực thúc đẩy tăng GRDP trong năm 2014 và 2015 trên 20%. Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn nhiều dấu hiệu không bền vững và phát triển nóng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên thường không đạt được mục tiêu đề ra. Năm 2013, tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế chỉ đạt 6,6% (theo kế hoạch là 9%), năm 2012 tốc độ tăng trưởng thực tế là 7,2% (theo kế hoạch là 11%), năm 2011 tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế là 9,36% (theo kế hoạch 12%), các chỉ tiêu về phát triển kinh tế cũng đều không đạt mục tiêu đề ra của tỉnh, nền kinh tế của tỉnh phát triển có dấu hiệu và tiềm ẩn khả năng chưa bền vững. Như vậy, dù đã điều chỉnh tốc độ tăng trưởng kinh tế theo kế hoạch giảm dần qua các năm từ 12% năm 2011 còn 9% năm 2013, nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch đề ra.

Hai là, mức độ hiệu quả trong việc sử dụng vốn đầu tư còn thấp (thể hiện ở chỉ số ICOR cao) trong cả giai đoạn 2005 - 2013, trong giai đoạn 2011 - 2013 ICOR ở mức cao kỷ lục thể hiện sự lãng phí và sử dụng vốn đầu tư chưa hiệu quả, giai đoạn 2014 - 2015 do động lực từ FDI nên đã làm cơ cấu đầu tư chuyển dịch mạnh mẽ, xong giá trị gia tăng cho nền kinh tế của tỉnh chưa cao; giá trị xuất khẩu của các tập đoàn FDI lớn (Samsung của Hàn Quốc) đóng góp khoảng 30% giá trị GRDP của tỉnh. Cơ cấu đầu tư theo các ngành chưa cân đối theo lợi thế và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của các ngành kinh tế tỉnh Thái Nguyên, cơ cấu đầu tư theo hình thức đầu tư; theo đối tác đầu tư; theo nguồn vốn đầu tư... chưa thực sự hợp lý. Ngoài ra, chính sách điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn nhiều bất cập. Vốn đầu tư trong ngành công nghiệp - xây

dựng và ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao, xong tỷ trọng giá trị của hai ngành này trong GRDP tỉnh Thái Nguyên lại thấp; điều này cho thấy cần chuyển dịch cơ cấu đầu tư để phát huy hiệu quả sử dụng vốn cho phát triển kinh tế.

Như vậy, giai đoạn 2005 - 2015, chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên không tuân theo quy luật, chưa đáp ứng được yêu cầu và phát huy được thế mạnh của ngành có lợi thế so sánh. Trong khi, Thái Nguyên là cái nôi của ngành công nghiệp thì chất lượng tăng trưởng của ngành này chưa cao, đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhưng không hiệu quả; trong khi ngành nông nghiệp và lâm nghiệp cũng có nhiều lợi thế (như sản phẩm chè, gỗ, giấy, cây dược liệu...) và đã có đóng góp lớn vào GRDP (xem xét tỷ trọng đầu tư giữa các ngành) nhưng chưa được chú trọng và đầu tư thỏa đáng để phát triển. Dịch vụ cũng là một ngành Thái Nguyên rất có tiềm năng, song hiệu quả đầu tư giai đoạn 2005 - 2015 chưa cao, thể hiện ICOR của ngành này khá cao. Có nhiều lý do chủ quan và khách quan như: Chưa có được quy hoạch khoa học về ngành, lĩnh vực, sản phẩm... để thu hút đầu tư; chưa đa dạng hóa các hình thức đầu tư; cơ chế thu hút đầu tư tuy thông thoáng xong vẫn còn nhiều bất cập; có những giai đoạn quá thận trọng, có giai đoạn lại thu hút đầu tư bằng mọi giá (thể hiện vốn đầu tư ở cả giai đoạn 2005 - 2015 không theo quy luật); quan niệm phát triển công nghiệp bằng mọi giá đã làm cho các ngành còn lại bị xem nhẹ và không quan tâm để thu hút đầu tư.

3.3. Những hạn chế, bất cập trong chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở Thái Nguyên

Một là, chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế tuy phù hợp với kế hoạch và mục tiêu của tỉnh Thái Nguyên đề ra và phù hợp với xu thế chung của cả nước. Tuy nhiên, chưa đem lại hiệu quả kinh tế và chưa phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên;

- Nông nghiệp là ngành Thái Nguyên có thế mạnh và có năng lực cạnh tranh cao. Tuy nhiên, tỷ trọng vốn đầu tư cho ngành này giảm từ 7,4% giai đoạn 2006 - 2010 xuống còn 2,1% trong giai đoạn 2011 - 2015 (tỷ lệ đầu tư giảm trên 40%), nhưng đóng góp của ngành nông nghiệp vào GDP toàn Tỉnh chỉ giảm từ hơn 23% xuống còn hơn 19% (cơ cấu trong GRDP giảm 14%). Điều này chứng tỏ nông nghiệp là ngành đem lại mức đóng góp rất ổn định cho GRDP của Tỉnh, nhưng lại chưa được quan tâm

đầu tư đúng hướng. Trong giai đoạn ngành nông nghiệp được đầu tư chiếm 7,4% trong cơ cấu đầu tư toàn Tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 (mức đầu tư lớn nhất) nhưng hệ số ICOR ở mức thấp nhất (ICOR = 4,4), giai đoạn 2011- 2013 nông nghiệp chỉ được đầu tư 4,4% nên ICOR giai đoạn này ở mức cao nhất (ICOR = 7,7). Do đó, có thể thấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp ở mức cao nhất nhưng đầu tư cho nông nghiệp chưa song hành với những đóng góp của nông nghiệp vào GRDP. Tỉnh cần quan tâm đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp để ngành này phát huy được lợi thế của tỉnh, ngày càng đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế.

- Ngành công nghiệp, giai đoạn 2005 - 2015 tăng trưởng nhanh, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế và chiếm tỷ trọng cao nhất trong GRDP của Tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2005 - 2013 là 13,48%/năm và đóng góp 41,27% tổng GRDP của tỉnh năm 2013 (năm 2005 là 38,71%), giai đoạn 2011 - 2015 đóng góp trên 45% vào GRDP của Thái Nguyên. Tuy nhiên, trong giai đoạn này tỷ trọng cơ cấu đầu tư cho công nghiệp ở mức rất cao từ 44% lên đến 77% tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế. Công nghiệp chế biến chế tạo tuy được đầu tư ở mức cao nhưng đóng góp vào GRDP chưa tương xứng. Các ngành công nghiệp khác cũng có tốc độ tăng trưởng chưa cao. Xây dựng được đầu tư nhiều nhưng cũng chưa đóng góp được nhiều cho GRDP của tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với ngành dịch vụ, Thái Nguyên có điều kiện thuận lợi gần thủ đô Hà Nội và các tỉnh vùng Đông Bắc, do vậy sẽ là điểm đến hấp dẫn của khách du lịch vùng Bắc Bộ như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, các khu công nghiệp lớn của Hà Nội, khu Công nghiệp Yên Bình (Samsung) và các tỉnh lân cận cũng cung cấp một thị trường khách du lịch tiềm năng cho Thái Nguyên. Tuy nhiên, tốc độ phát triển ngành dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng của Tỉnh. Nguyên nhân là do chính sách giảm bớt tỷ trọng vốn đầu tư cho dịch vụ (giảm từ trên 50% giai đoạn 2005 - 2013 xuống còn gần 36% giai đoạn 2011 - 2015, tập trung tăng cường vốn đầu tư cho công nghiệp - xây dựng, do đó dịch vụ chưa phát triển vượt bậc.

Hai là, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa cao;

- Do cơ cấu đầu tư giữa các ngành và trong nội bộ ngành còn chưa hợp lý nên chưa tận dụng được triệt để yếu tố nguồn lực, vì vậy diễn ra tình trạng lãng phí.

- Nông nghiệp phát triển ổn định nhưng cơ cấu chuyên đổi chậm, ngành nghề dịch vụ trong nông thôn kém phát triển; một số tiến bộ kỹ thuật áp dụng ra diện rộng còn hạn chế. Sản phẩm qua chế biến thấp, tiêu thụ khó khăn, giá trị thấp.

- Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, nhỏ bé về quy mô, công nghiệp hỗ trợ chưa được chú trọng đầu tư để phát triển; trình độ công nghiệp lạc hậu, sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao, một số sản phẩm khó tiêu thụ, sức cạnh tranh của một số sản phẩm trên thị trường yếu (như sản phẩm của công ty Gang thép Thái Nguyên). Nhìn chung, ngành công nghiệp ở Thái Nguyên do trình độ công nghệ còn thấp nên giá trị gia tăng thấp và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường lớn, chưa thực sự tạo động lực bền vững và lâu dài cho phát triển kinh tế; sản phẩm công nghiệp chủ yếu tiêu dùng trong nước. Chỉ có một số sản phẩm khai khoáng được xuất khẩu, nhưng chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm thô sang Trung Quốc, nên giá trị gia tăng thấp và phụ thuộc vào thị trường này; sản phẩm của các doanh nghiệp FDI xuất khẩu mang lại giá trị gia tăng chưa cao (tập đoàn Samsung khoảng 30%), ngành sản xuất thép thua lỗ kéo dài; tỉnh Thái Nguyên còn thiếu các ngành công nghiệp chế biến công nghệ cao, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn.

- Quản lý chỉ đạo điều hành thiếu chặt chẽ, chậm đổi mới, một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp còn hạn chế về trình độ, thiếu năng động; hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại kém hiệu quả.

3.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong chuyển dịch cơ cấu đầu tư ở tỉnh Thái Nguyên

Thứ nhất, quy hoạch trong thu hút vốn theo ngành kinh tế, theo vùng, theo thành phần kinh tế và theo sản phẩm của tỉnh chưa rõ ràng và hợp lý, chưa chú trọng công tác quy hoạch gắn với đặc thù vùng, miền; chưa có quy hoạch cụ thể về phát triển những sản phẩm đặc sản.

Thứ hai, dự báo trong thu hút vốn đầu tư hướng vào phát triển kinh tế của tỉnh còn nhiều hạn chế, nhiều thời điểm bị động và không phân định rõ đối tác trong và ngoài nước, chưa có định hướng cụ thể khuyến khích thu hút vốn đầu tư theo các ngành, theo sản phẩm mà tỉnh Thái Nguyên có nhiều lợi thế.

Thứ ba, tỉnh Thái Nguyên chưa có được một đội ngũ chuyên gia giỏi, am hiểu rõ lĩnh vực chuyên

giao khoa học công nghệ. Do vậy, việc đánh giá tính phù hợp và mức độ hiện đại của công nghệ được chuyển giao theo các dự án, đặc biệt là các dự án FDI và ODA chưa được đánh giá đúng mức, không đánh giá theo ngành, theo vùng kinh tế.

Thứ tư, nhận thức của một bộ phận đội ngũ lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên về chuyển dịch cơ cấu đầu tư với phát triển kinh tế của tỉnh chưa rõ, chưa đúng đắn.

Thứ năm, thiếu cơ chế chính sách và hành lang pháp lý của tỉnh Thái Nguyên để điều tiết vốn đầu tư với phát triển kinh tế.

Thứ sáu, về các điều kiện để tiếp nhận vốn đầu tư và triển khai thực hiện hoạt động đầu tư nhằm phát triển kinh tế chưa đáp ứng theo yêu cầu khách quan. Từ đó, chưa tạo ra được yếu tố “hút” để các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước chủ động tìm đến tỉnh Thái Nguyên để đầu tư.

Thứ bảy, hệ thống Luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa đồng bộ, thiếu nhất quán.

Thứ tám, môi trường đầu tư - kinh doanh của Việt Nam tuy đã được cải thiện nhưng tiến độ đạt được còn chậm hơn so với các nước trong khu vực, trong khi cạnh tranh thu hút vốn FDI, FPI đã và đang tiếp tục diễn ra gay gắt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Môi trường đầu tư của Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đầu tư của tỉnh Thái Nguyên, bởi vì khi nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại tỉnh Thái Nguyên thì họ phải nghiên cứu rất kỹ môi trường đầu tư của Việt Nam.

Thứ chín, việc cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện trung gian cho quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trong nước cho các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Thái Nguyên nói riêng còn rất hạn chế (theo nghiên cứu công bố về Tập đoàn Samsung - Hàn Quốc đưa ra 39 chi tiết trung gian cho sản phẩm thì Việt Nam mới chỉ có thể đáp ứng được khoảng 7 chi tiết), làm giảm khả năng tham gia vào chương trình nội địa hoá và xuất khẩu các sản phẩm thuộc lĩnh vực cơ khí, điện, điện tử, bu chính viễn thông, công nghệ thông tin và chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu.

Thứ mười, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký ở Việt Nam tuy đã tăng qua các năm, nhưng do sự bất cập trong cơ chế điều tiết nên nguồn vốn này vẫn không đồng đều ở các tỉnh, trong đó có tỉnh Thái Nguyên; có những tỉnh “bội thực” về vốn, trong khi những địa phương khác như tỉnh Thái Nguyên thì lại thiếu

vốn, thậm chí có những thời điểm tỉnh Thái Nguyên không có một dự án đầu tư nước ngoài nào; các ngành và lĩnh vực thu hút vốn đầu tư cũng có sự chênh lệch khá lớn. Hơn nữa, tỷ lệ giải ngân vốn thấp (2005 - 2015, trung bình khoảng 40%).

Mười một, chuyển dịch cơ cấu đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao còn hạn chế. Việc chậm triển khai các khu công nghệ cao đã làm giảm khả năng thu hút vốn vào lĩnh vực này.

Mười hai, sự phối hợp trong quản lý hoạt động đầu tư giữa các Bộ, Ngành, địa phương chưa chặt chẽ.

Ngoài những nguyên nhân ở trên, còn có các nguyên nhân do bối cảnh và các xu hướng chuyển dịch cơ cấu đầu tư nhằm phát triển kinh tế trong quá trình hội nhập KTQT như việc thực hiện cam kết của WTO, thực hiện lộ trình theo cam kết của ASEAN-AFTA, AEC, TPP,... ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự suy giảm kinh tế Việt Nam; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, khủng bố và những xung đột về mặt Luật pháp đã ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên.

3.5. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên

Định hướng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, đầu tư theo ngành kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên cần chuyển dịch đó là: (i) Tăng cường đầu tư vào ngành công nghiệp, chú trọng công nghiệp hỗ trợ, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; (ii) Đầu tư vào ngành nông nghiệp, chú trọng nông nghiệp sạch, nông sản chế biến hướng về xuất khẩu sản phẩm đặc sản như chè, phát triển các làng nghề truyền thống; (iii) Đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ như y tế, giáo dục, phát triển thương hiệu sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của hội nhập. Khuyến nghị cơ cấu đầu tư giai đoạn 2017 - 2020 chuyển dịch theo hướng ưu tiên ngành nông nghiệp sạch hướng xuất khẩu đến ngành công nghiệp - xây dựng rồi đến ngành dịch vụ; giai đoạn 2020 - 2030, chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ. Như vậy, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2020 - 2030, dự báo phương án đầu tư theo ngành, theo lĩnh vực, theo đối tác, theo nguồn vốn đầu tư,... Trong đó, tập trung vào công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi cung ứng của Samsung và các lĩnh vực: xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, các dự án sản xuất công nghiệp chế biến có lợi thế về

cung cấp nguyên liệu, công nghiệp giải quyết được nhiều lao động tại chỗ; các dự án nông nghiệp công nghệ cao; các dự án sản xuất hàng xuất khẩu, dự án đầu tư vào các địa bàn còn tiềm năng; các dự án xử lý nước thải, chất thải; các dự án về năng lượng,...

Thứ hai, tăng cường quản lý đầu tư, đảm bảo theo đúng những văn bản qui định của Nhà nước và những qui định của tỉnh. Đa dạng hóa các hình thức tạo vốn, nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân và trong các thành phần kinh tế thông qua đa dạng hóa các hình thức đầu tư; các hình thức tín dụng. Thành lập các quỹ như Quỹ tín dụng nhân dân ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện, Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh, Quỹ bảo hiểm sản xuất... Huy động vốn kết hợp Nhà nước và nhân dân, hợp tác công - tư (PPP).

Thứ ba, cải thiện môi trường pháp lý, chính sách đầu tư hấp dẫn thu hút các nguồn vốn bên ngoài. Tiếp tục cải thiện môi trường pháp lý đầu tư, kinh doanh, cải tiến thủ tục hành chính và nâng cao năng lực thi hành công vụ của cán bộ, công chức để duy trì kết quả cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của Thái Nguyên (PCI) liên tục nằm trong số top 20 tỉnh cao nhất (năm 2015, Thái Nguyên được xếp vị trí thứ 7).

Thứ tư, làm tốt quản lý dự án sau khi đã cấp giấy phép đầu tư. Hỗ trợ việc triển khai thực hiện các dự án sau khi cấp giấy phép đầu tư như giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công xây dựng, hỗ trợ công trình ngoài hàng rào, các thủ tục nhập khẩu máy móc thiết bị, cung ứng lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động và đem niềm tin cho các nhà đầu tư.

Thứ năm, đẩy mạnh đầu tư nhằm phát triển; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi; tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây dược liệu và phát triển các ngành nghề, dịch vụ nông thôn, tạo nên sự phát triển hài hòa, bổ trợ lẫn nhau giữa các ngành kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Tăng đầu tư cho dịch vụ chuyển giao công nghệ, khuyến nông, bảo vệ thực vật, áp dụng giống vật nuôi, cây trồng mới, góp phần

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2010), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên.

Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên.

Nguyễn Thị Minh (2009), 'Chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế', *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 3/370, 23.

Đỗ Hoài Nam (1996), *Các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ Công nghiệp hóa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.

Nguyễn Bạch Nguyệt & Từ Quang Phương (2007), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thứ sáu, ngành chế biến, chế tạo cần được quan tâm đầu tư và cần lượng vốn đầu tư lớn để đầu tư máy móc thiết bị, khoa học công nghệ. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng; chính sách nhất quán trong quản lý kinh tế, thị trường nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào phát triển sản xuất công nghiệp.

Thứ bảy, khuyến khích đầu tư ứng dụng, đổi mới công nghệ - kỹ thuật phù hợp, hiệu quả vào sản xuất công nghiệp. Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Nâng cao chất lượng nguồn lao động. Phát huy lợi thế có nhiều cơ sở đào tạo trên địa bàn. Trước mắt, lập kế hoạch đào tạo khoảng 20 nghìn đến 25 nghìn công nhân kỹ thuật tập đoàn Samsung.

Thứ tám, tạo được mối liên kết gắn bó về quyền lợi với người dân vùng nguyên liệu. Các nhà máy chế biến cần tổ chức bộ phận phụ trách về nguyên liệu để phát triển vùng nguyên liệu... Hoàn thiện mạng lưới bán buôn và bán lẻ hàng hoá, dịch vụ, bao gồm: Các trung tâm thương mại đa chức năng hạng II, III; các siêu thị - trung tâm thương mại hạng II và hạng III tại các thị xã, thị trấn các huyện; mạng lưới chợ rộng khắp tại các thị trấn, thị tứ tạo thành các cụm thương mại - dịch vụ gắn với công nghiệp.

4. Kết luận

Do những lợi ích mà chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế để có một cơ cấu đầu tư hợp lý, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, nên lựa chọn cơ cấu đầu tư như thế nào trong từng giai đoạn cụ thể và bối cảnh cụ thể nhằm phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên theo hướng bền vững. Chính vì vậy, để chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế tỉnh Thái Nguyên, cần phải tiến hành các giải pháp một cách đồng bộ nhằm đảm bảo hình thành cơ cấu đầu tư hợp lý, vừa sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.